

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 14/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 03 năm 2025 giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị N, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: TDP D, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: TDP E, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 04 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn D

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn D thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Có 01 con chung: Cháu Nguyễn Trần Thái T, sinh ngày 22/01/2013. Ghi nhận thoả thuận giao cháu Nguyễn Trần Thái T cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động, tự lập được.

Anh Nguyễn Văn D không yêu cầu chị Trần Thị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí Tòa án:** Áp dụng Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn D mỗi người phải nộp 75.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị N tự nguyện nộp thay tiền án phí cho anh D, tổng số tiền án phí phải nộp là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001481 ngày 18/03/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. Hoàn trả cho chị Trần Thị N số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đắk Hà;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Tiến